

TOÁN 2 – BÀI 23 PHÉP TRỪ CÓ NHỚ SỐ CÓ 2 CHỮ SỐ CHO SỐ CÓ 2 CHỮ SỐ

Họ và tên:

Lớp:.....

Phần I. Trắc nghiệm

Câu 1. Kết quả của phép tính $100 - 60$ là:

- A. 40 B. 160 C. 30 D. 50

Câu 2. Phép tính nào dưới đây được đặt tính đúng?

- A.
$$\begin{array}{r} 63 \\ - 58 \\ \hline 15 \end{array}$$
 B.
$$\begin{array}{r} 63 \\ - 58 \\ \hline 572 \end{array}$$
 C.
$$\begin{array}{r} 63 \\ - 58 \\ \hline 121 \end{array}$$
 D.
$$\begin{array}{r} 63 \\ - 58 \\ \hline 5 \end{array}$$

Câu 3. Kết quả của phép tính sau là:

$$\begin{array}{r} 83 \\ - 36 \\ \hline \end{array}$$

- A. 119 B. 47 C. 794 D. 53

Câu 4. Giá trị của biểu thức $85 - 26 + 2$ là:

- A. 61 B. 63 C. 59 D. 57

Câu 5. Dấu thích hợp để điền vào chỗ chấm trong $95 - 8 \dots 77 - 9$ là dấu nào?

- A. < B. + C. > D. =

Câu 6. Dấu thích hợp để điền vào chỗ chấm trong $98 - 9 \dots 57 - 9$ là dấu nào?

- A. < B. = C. + D. >

Câu 7. Tìm số thích hợp điền vào ô trống: $24 + \square = 54 - 24$.

- A. 6 B. 54 C. 78 D. 30

Câu 8. Trong bến có 78 chiếc thuyền. Có 69 chiếc thuyền rời bến. Hỏi trong bến còn lại bao nhiêu chiếc thuyền?

- A. 78 chiếc thuyền B. 147 chiếc thuyền C. 9 chiếc thuyền D. 11 chiếc thuyền

Phần II. Tự luận

Bài 1. Tính giá trị của các biểu thức sau:

a) $50 - 21 - 28 = \dots\dots$

b) $71 - 21 - 8 = \dots\dots$

c) $60 - 22 - 26 = \dots\dots$

d) $81 - 11 - 42 = \dots\dots$

Bài 2. Tìm chữ số thích hợp điền vào dấu ?.

a) $71 - \dots 5 = 36$

b) $\dots 2 - 14 = 28$

c) $84 - 5 \dots = 29$

d) $9 \dots - 67 = 26$

Bài 3. Đặt tính rồi tính:

$59 - 23$

$81 - 27$

$66 - 33$

$80 - 15$

a) $\begin{array}{r} \dots\dots\dots \\ \dots\dots\dots \\ \dots\dots\dots \end{array}$

b) $\begin{array}{r} \dots\dots\dots \\ \dots\dots\dots \\ \dots\dots\dots \end{array}$

c) $\begin{array}{r} \dots\dots\dots \\ \dots\dots\dots \\ \dots\dots\dots \end{array}$

d) $\begin{array}{r} \dots\dots\dots \\ \dots\dots\dots \\ \dots\dots\dots \end{array}$

Bài 4. Điền số thích hợp vào ô trống:

a)	Số bị trừ	Số trừ	Hiệu
	$\dots\dots$	40	35

b)	Số bị trừ	Số trừ	Hiệu
	99	$\dots\dots$	71

c)	Số bị trừ	Số trừ	Hiệu
	$\dots\dots$	82	11

d)	Số bị trừ	Số trừ	Hiệu
	78	$\dots\dots$	54

Bài 5. Một đàn vịt có 94 con, trong đó có 35 con là vịt bơi dưới ao. Hỏi có bao nhiêu con là vịt ở trên bờ?

Bài giải

.....
.....
.....

Bài 6. Quả dưa hấu nặng 73 kg. Quả bí ngô nhẹ hơn Quả dưa hấu là 8 kg. Hỏi Quả bí ngô nặng bao nhiêu kg?

Bài giải

.....
.....
.....

Bài 7. Tính giá trị các biểu thức sau:

a) $27 + 39 - 28 = \dots\dots$

b) $53 + 19 - 96 = \dots\dots$

c) $12 + 70 - 24 = \dots\dots$

d) $14 + 47 - 78 = \dots\dots$

Bài 8. Điền dấu ($>$, $<$, $=$) thích hợp vào chỗ trống:

a) $40 - 28 \dots 21$

b) $71 - 63 \dots 53 - 46$

c) $80 - 31 \dots 58$

d) $91 - 74 \dots 79 - 35$

Bài 9. Thùng thứ nhất có 78 lít dầu. Thùng thứ hai có ít hơn Thùng thứ nhất 19 lít dầu. Hỏi Thùng thứ hai có bao nhiêu lít dầu?

Bài giải

.....
.....
.....

HÀNH TRANG
TIỂU HỌC

---HẾT---